TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Thành

2. Ông Dương Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên (vắng mặt).

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tăng Thị Ngọc T, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp XM, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Trần Nhựt D, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2019 chị Tăng Thị Ngọc T trình bày:*

Bà T và ông D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/3/2019. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do ông D không quan tâm đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ông bà đã ly thân. Do bà T và ông D không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông D.

Con chung: Bà T xác định bà và ông D không có con chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà T không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Bà Tăng Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trần Nhựt D. Do bà T và ông D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; ông D có nơi cư trú tại ấp HT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình vắng mặt có lý do, ông Trần Nhựt D được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, bà T xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 232, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, bà T, ông D.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Tăng Thị Ngọc T và ông Trần Nhựt D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/3/2019. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy

định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ly hôn với ông D. Vì bà T cho rằng thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, ông D không quan tâm đến gia đình, từ đó bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông bà đã ly thân mà không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông D vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Tăng Thị Ngọc T và ông Trần Nhựt D được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2019 bà T xác định thời gian chung sống vợ chồng không có con chung nên không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông D không có tài sản chung, không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xét.

[6] Nợ chung: Xét thấy, tại đơn khởi kiện, bà T xác định thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết là có căn cứ. Bởi vì, tại đơn xác nhận ngày 23/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 25/9/2019 xác nhận bà T và ông D ông có ai yêu cầu về nợ chung giải quyết tại địa phương. Do đó, không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tăng Thị Ngọc T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với bà Tăng Thị Ngọc T và ông Trần Nhựt D.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Tăng Thị Ngọc T về việc ly hôn với ông Trần Nhựt D.

2.1. Về hôn nhân: Bà Tăng Thị Ngọc T và ông Trần Nhựt D được ly hôn.

2.2. Về con chung: Không có.

2.3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tăng Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 24 tháng 9 năm 2019 chị Thúy có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010721 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-UBND xã BBĐ;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh